

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Tài chính quốc tế - 1104102

Mã lớp học phần: 110410201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Hà Kim Thủy

Ngày thi: 11/12/2014

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Ng. H. H. Ký tên: Ng. H. H.

Giám thị 2: Thanh Ký tên: Thanh

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140081	Nguyễn Thị Yến	Hoàng	26/07/1994	<u>Th</u>	5.0	Năm	C14TC1	
2	1210140088	Trương Thanh	Hòa	12/02/1994	<u>Th</u>	3.0	Ba	C14TC1	
3	1210140073	Nguyễn Thị Thu	Hồng	15/07/1994	<u>Th</u>	7.0	Bảy	C14TC1	
4	1210140074	Quách Ý	Hồng	11/10/1994	<u>Th</u>	7.0	Bảy	C14TC1	
5	1210140097	Thái Nguyễn Quốc	Huy	12/07/1993	<u>Th</u>	2.5	Hai rưỡi	C14TC1	
6	1210140103	Vũ Thị Mỹ	Huyền	01/01/1994	<u>Th</u>	4.0	Bốn	C14TC1	
7	1210140099	Đinh Thúy	Huyền	25/08/1994	<u>Th</u>	1.5	Một rưỡi	C14TC1	
8	1210140100	Phạm Thị Thanh	Huyền	15/11/1994	<u>Th</u>	5.5	Năm rưỡi	C14TC1	
9	1210140102	Tô Thị Ngọc	Huyền	22/06/1994	<u>Th</u>	6.0	Sáu	C14TC1	
10	1210140095	Lương Phan	Hùng	27/09/1993	<u>Th</u>	7.0	Bảy	C14TC1	
11	1210140082	Lý Huỳnh	Hưng	15/03/1993	<u>Th</u>	6.0	Sáu	C14TC1	
12	1210140085	Nguyễn Thành	Hưng	20/02/1993	<u>Th</u>	7.0	Bảy	C14TC1	
13	1210140090	Mai Thị Xuân	Hường	20/04/1993	<u>Th</u>	7.0	Bảy	C14TC1	
14	1210140091	Phạm Thị	Hường	26/06/1994	<u>Th</u>	✓	✓	C14TC1	Nợ HP
15	1210140104	Phạm Thị Tuyết	Kha	24/08/1993	<u>Th</u>	3.0	Ba	C14TC1	
16	1210140105	Trần Minh	Kha	04/11/1994	<u>Th</u>	1.5	Một rưỡi	C14TC1	
17	1210140109	Nguyễn Duy	Khoa	09/02/1994	<u>Th</u>	1.5	Một rưỡi	C14TC1	
18	1210140110	Trần Đăng	Khoa	16/10/1994	<u>Th</u>	7.5	Bảy rưỡi	C14TC1	
19	1210140111	Vũ Thị Kim	Kiều	30/07/1994	<u>Th</u>	7.0	Bảy	C14TC1	
20	1210140116	Hà Thị Thanh	Lam	31/05/1993	<u>Th</u>	4.5	Bốn rưỡi	C14TC1	
21	1210140117	Mai Thị Kim	Lan	15/09/1993	<u>Th</u>	5.5	Năm rưỡi	C14TC1	
22	1210140118	Nguyễn Thị Thanh	Lan	11/10/1994	<u>Th</u>	4.5	Bốn rưỡi	C14TC1	
23	1210140115	Cao Chi	Lăng	07/11/1994	<u>Th</u>	4.5	Bốn rưỡi	C14TC1	
24	1210140112	Phan Thanh	Lâm	12/10/1994	<u>Th</u>	3.5	Ba rưỡi	C14TC1	
25	1210140113	Trần Thanh	Lâm	01/10/1994	<u>Th</u>	4.5	Bốn rưỡi	C14TC1	
26	1210140114	Trương Hoàng	Lâm	04/03/1994	<u>Th</u>	2.5	Hai rưỡi	C14TC1	
27	1210140119	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	10/02/1994	<u>Th</u>	3.5	Ba rưỡi	C14TC1	
28	1210140120	Lê Tiêu Ngọc	Liên	26/01/1994	<u>Th</u>	8.0	Tám	C14TC1	
29	1210140121	Tô Kiều Mai	Liên	020/9/1994	<u>Th</u>	3.0	Ba	C14TC1	
30	1210140124	Hoàng Thùy	Linh	08/04/1994	<u>Th</u>	0.0	Không	C14TC1	
31	1210140128	Hồ Thanh	Tú	26/04/1994	<u>Th</u>	4.0	Bốn	C14TC1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Tài chính quốc tế - 1104102

Mã lớp học phần: 110410201

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Hà Kim Thủy

Ngày thi: 11/12/2014

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: Minh Trung Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Thị Phương Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: Kim Liên Ký tên: [Signature]
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210140002	Lê Đoàn Phương An	30/11/1994	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C14TC1	
2	1210140003	Lê Thị Việt Anh	14/12/1994	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C14TC1	
3	1210140006	Phạm Loan Anh	24/05/1994	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm xuất	C14TC1	
4	1210140007	Trần Đoàn Anh	23/05/1994	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm xuất	C14TC1	
5	1210140008	Trương Lữ Nguyệt Anh	06/02/1992	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn xuất	C14TC1	
6	1210140001	Nguyễn Hoàng Ân	01/01/1992	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba xuất	C14TC1	
7	1210140009	Thạch Thị Sa Bene	06/02/1992					C14TC1	Nợ HP
8	1210140011	Võ Thị Cẩm Bình	20/04/1993	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu xuất	C14TC1	
9	1210140010	Đoàn thị Ngọc Bích	03/08/1994	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba xuất	C14TC1	
10	1210140012	Bành Gia Bội	20/10/1994	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm xuất	C14TC1	
11	1210140013	Nguyễn Võ Sơn Ca	02/08/1994	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm xuất	C14TC1	
12	1210140015	Nguyễn Thị Viên Châu	22/01/1994	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba xuất	C14TC1	
13	1210140016	Trương Lê Ngọc Châu	28/01/1990	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C14TC1	
14	1210140017	Lê Hồng Chiến	09/11/1993	<u>[Signature]</u>		4.0	Bốn	C14TC1	
15	1210140032	Huỳnh Minh Duy	23/03/1994	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm xuất	C14TC1	
16	1210140033	Trần Thị Thanh Duyên	01/05/1994	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C14TC1	
17	1210140023	Nguyễn Dư	15/10/1994	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C14TC1	
18	1210140024	Lê Thị Thùy Dương	18/03/1994	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba xuất	C14TC1	Nợ HP BL 10605
19	1210140025	Ngô Minh Dương	09/10/1994	<u>[Signature]</u>		3.0	Ba	C14TC1	
20	1210140026	Nguyễn Hoàng Dương	01/04/1994	<u>[Signature]</u>		4.0	Bốn	C14TC1	
21	1210140027	Nguyễn Mỹ Thùy Dương	10/01/1993	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm xuất	C14TC1	
22	1210140028	Nguyễn Thị Thùy Dương	25/02/1994	<u>[Signature]</u>		3.0	Ba	C14TC1	
23	1210140029	Nguyễn Thị Thùy Dương	11/08/1994	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn xuất	C14TC1	
24	1210140035	Đỗ Thị Lệ Giang	20/11/1992	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C14TC1	
25	1210140036	Phạm Nguyễn Trường Giang	06/10/1994	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C14TC1	
26	1210140038	Phan Thị Giàu	19/01/1994	<u>[Signature]</u>		6.5	Sáu xuất	C14TC1	
27	1210140051	Nguyễn Hoàng Hà	25/03/1994	<u>[Signature]</u>		4.0	Bốn	C14TC1	
28	1210140052	Nguyễn Khánh Hà	01/08/1994						Nợ HP
29	1210140053	Nguyễn Thị Thu Hà	24/02/1994	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba xuất	C14TC1	Nợ HP 10621
30	1210140055	Trần Thu Thanh Hà	13/04/1994	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C14TC1	
31	1210140057	Ngô Văn Hải	04/12/1992	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C14TC1	
32	1210140058	Phạm Ngọc Đông Hải	11/05/1994					C14TC1	Nợ HP

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1210140059	Vi Văn Hải	04/05/1992			1.5	Một chữ	C14TC1	
34	1210140062	Nguyễn Thị Hào	20/05/1994			7.5	Bảy chữ	C14TC1	
35	1210140046	Cao Thị Hạnh	22/08/1994			5.0	Năm	C14TC1	
36	1210140048	Nguyễn Thị Hạnh	22/11/1994			6.5	Sáu chữ	C14TC1	
37	1210140049	Nguyễn Thị Hồng	04/11/1993			6.0	Sáu	C14TC1	
38	1210140043	Trần Thị Hằng	25/08/1994			3.0	Ba	C14TC1	
39	1210140044	Trần Thị Thanh	28/01/1994			6.5	Sáu chữ	C14TC1	
40	1210140039	Lê Thái Thị Ngọc	05/08/1994			5.5	Năm chữ	C14TC1	
41	1210140040	Lê Hoài Hân	22/07/1994			4.5	Bốn chữ	C14TC1	
42	1210140063	Nguyễn Thị Hiền	24/04/1994			7.0	Bảy	C14TC1	
43	1210140064	Nguyễn Thị Thu	22/02/1994			7.0	Bảy	C14TC1	
44	1210140067	Nguyễn Thị Minh	20/10/1993			3.5	Ba chữ	C14TC1	Nợ HP 10608
45	1210140070	Trần Trung Hiếu	02/07/1993			6.0	Sáu	C14TC1	
46	1210140071	Võ Trí Hiếu	28/06/1994			5.0	Năm	C14TC1	
47	1210140066	Trần Phi Hiệp	21/03/1993			6.0	Sáu	C14TC1	
48	1210140072	Nguyễn Thị Hồng Hoa	22/03/1994			6.0	Sáu	C14TC1	
49	1210140077	Huỳnh Văn Hoàng	07/10/1994			5.5	Năm chữ	C14TC1	
50	1210140080	Nguyễn Thanh Hoàng	18/01/1994			4.5	Bốn chữ	C14TC1	

... ..